

Bản án số: 185/2021/DS-ST
Ngày: 19-11-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM: Bà Trần Thị Hồng Gấm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 559/2020/DSST ngày 24/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐST-DS ngày 01/06/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021 và Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 23/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ trụ sở: A Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 210/2020/UQ-CNQ4 ngày 03/12/2020) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B, phường Phú T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Sacombank trình bày: Ngày 18/7/2016, bị đơn ông Lê Tuấn K có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T “Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành thẻ” sau đây được gọi tắt là Hợp đồng.

Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.380.200 đồng. Ông K sử dụng thẻ từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2018 và đã thanh toán cho Ngân hàng 18.000.000 đồng.

Từ tháng 10/2018 đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng TMCP Sài Gòn T nhiều lần liên hệ nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán nên ngày 31/12/2018 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11.638.751 đồng sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/11/2021 là 26.972.343 đồng trong đó:

- Nợ gốc : 11.638.751 đồng
- Lãi quá hạn : 15.333.592 đồng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là Lê Tuấn K đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐST-DS ngày 01/06/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021 và Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 23/7/2021 nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý,

việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Thông tư số 39/2016/TT+NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Lê Tuấn K phải trả số tiền còn nợ lại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/7/2016 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ngày 18/7/2016 thể hiện ông Lê Tuấn K tại thời điểm ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có địa chỉ hộ khẩu tại B, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí

Minh; có địa chỉ ở hiện tại C Huỳnh Tấn P, khu phố 3, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường Phú Thuận Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn là ông Lê Tuấn K có hộ khẩu thường trú tại D, tổ 24, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có thực tế cư ngụ tại, địa chỉ trên, bán nhà đi đâu không rõ; không có đăng ký thường trú tại C Huỳnh Tấn P, khu phố 3, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, không thực tế cư trú tại địa chỉ trên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Lê Tuấn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã đủ kết luận Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng và ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.380.200 đồng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank và đến ngày 31/12/2018 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với mức lãi suất quá hạn 3.75%/tháng.

Căn cứ vào bản chi tiết sử dụng và tính lãi hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ông K đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 18.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/11/2021, ông K còn nợ lại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T các khoản sau: Nợ gốc: 11.638.751 đồng; Lãi quá hạn : 15.333.592 đồng. Tổng cộng số tiền ông K còn nợ lại là 26.972.343 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và

tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông K thanh toán nợ gốc: 11.638.751 đồng; lãi quá hạn : 15.333.592 đồng. Tổng cộng 26.972.343 đồng.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 19/11/2021, ông Lê Tuấn K còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ngày 18/7/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H, bị đơn ông Lê Tuấn K.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T.

Buộc ông Lê Tuấn K thanh toán nợ gốc: 11.638.751 đồng; Lãi quá hạn : 15.333.592 đồng, tổng cộng 26.972.343 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Ngoài ra, kể từ ngày 19/11/2021, ông Lê Tuấn K còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 18/7/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tuấn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.348.617 đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 542.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0042109 ngày 24/12//2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hiếu